

Số: 123 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất (đợt 1) cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang để thực hiện dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 1143/TTg-NN ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 22/NQ- HĐND ngày 18/9/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020;

Theo đề nghị của: Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang tại Đơn xin giao đất đợt 1; UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình số 178/TTr-UBND ngày 09/12/2020; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 30/TTr-TNMT ngày 18/01/2021 và Công văn số 489/TNMT-QLĐĐ ngày 05/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng diện tích 484.832 m² (Bốn trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm ba mươi hai mét vuông) đất đã được UBND huyện Lạng Giang thu hồi tại các Quyết định: Số 1042/QĐ-UBND ngày 02/10/2020; số 1720/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, số 1722/QĐ-UBND ngày 20/11/2020; số 1864/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 và số 2055/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 sang đất phi nông nghiệp (xây dựng khu đô thị mới).

Trong đó: 379.898,3 m² đất chuyên trồng lúa nước; 34.551,8 m² đất trồng lúa nước còn lại; 10.000,8 m² đất trồng cây hàng năm khác; 2.597,3 m² đất nuôi trồng thủy sản; 1.099,8 m² đất nghĩa trang, nghĩa địa; 33.577,6 m² đất giao thông; 23.106,4 m² đất thủy lợi.

(Danh sách các thửa đất chuyển mục đích kèm theo Tờ trình số 178/TTr-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Lạng Giang).

2. Giao đất có thu tiền sử dụng đất (đợt 1) diện tích 39.266,9m² (Ba mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi sáu phẩy chín mét vuông) đất ở cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang để thanh toán Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các phụ lục hợp đồng đã ký kết giữa UBND huyện Lạng Giang, Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Đại Mỗ (Nhà đầu tư) và Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang (Doanh nghiệp dự án).

3. Giao cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 445.565,1 m² (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi lăm phẩy một mét vuông) đất theo Quyết định chấp thuận đầu tư dự án và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Quỹ đất ở 83,231.8m² trong tổng cơ cấu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật được sử dụng vào các mục đích sau:

- Làm quỹ đất bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi theo phương án giao đất tái định cư được UBND huyện Lạng Giang phê duyệt (từ lô số 17 đến lô số 27 Phân lô N18).

- Làm quỹ đất giao thanh toán cho Nhà đầu tư theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) đã ký kết (việc xác định chỉ giao một phần hoặc toàn bộ quỹ đất ở thanh toán này trong các lần giao đất thanh toán tiếp theo phụ thuộc vào giá trị dự án BT, giá trị quỹ đất thanh toán trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc ngang giá và tương đương với giá trị dự án BT theo quy định của pháp luật).

(Có bảng cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết kèm theo)

4. Thời hạn sử dụng đất: Theo Quyết định chấp thuận đầu tư dự án được phê duyệt.

5. Giao UBND xã Xương Lâm quản lý 509,9 m²; UBND xã Yên Mỹ quản lý 380,9 m² và UBND thị trấn Vôi quản lý 2.403,3 m² đất UBND huyện Lạng Giang đã thu hồi, giải phóng mặt bằng nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, không chuyển mục đích sử dụng đất để quản lý theo quy hoạch và pháp luật đất đai.

6. Địa điểm: xã Xương Lâm, xã Yên Mỹ và thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên tờ trích lục bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 kèm theo hồ sơ)

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã thu hồi; chủ trì xây dựng phương án giá đất đối với phần diện tích giao tại Điều 1 theo quy định.

2. UBND huyện Lạng Giang: Chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND thị trấn Vôi và các UBND xã Xương Lâm, Yên Mỹ chỉnh lý hồ sơ địa chính; thiết lập hồ sơ quản lý chặt chẽ quỹ đất giao quản lý tại Điều 1; phối hợp giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang.

3. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp các cơ quan liên quan xác định và hướng dẫn Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích đất được giao theo quy định pháp luật.

4. Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang có trách nhiệm:

- Đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường.

- Xây dựng hoàn thành hạ tầng kỹ thuật của dự án trên phần đất được giao theo Hợp đồng đã được ký kết và dự án đầu tư được phê duyệt. Sau khi hoàn thành, Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ diện tích đất và công trình hạ tầng trên đất cho UBND huyện Lạng Giang quản lý, khai thác sử dụng theo chấp thuận đầu tư dự án đã được phê duyệt và quy định pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang; Chủ tịch UBND thị trấn Vôi; Chủ tịch UBND xã Xương Lâm; Chủ tịch UBND xã Yên Mỹ; Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Đại Mỗ; Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang
(Trả HS qua Trung tâm Phục vụ HCC);
- CCQLĐĐ - Sở TNMT (lưu HS, 10b).
- Lưu: VT, TN_{SN}.

Bản điện tử:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT;
- + Các CV: XD, TN, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT
GIAO ĐẤT ĐỢT 1 CHO CÔNG TY TNHH MTV BT LẠNG GIANG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA ĐÔNG THỊ TRẤN VỚI, HUYỆN LẠNG GIANG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /02/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: m²

STT	MÃ QUY HOẠCH	DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT ĐỢT 1	DIỆN TÍCH THEO QUY HOẠCH	GHI CHÚ
A.	Diện tích đất ở thanh toán Hợp đồng BT (Đợt 1):	39,266.9	49,976.1	
4	N4	2,472.9	2,472.9	Đất ở liền kề
5	N5	4,053.8	4,053.8	Đất ở liền kề
6	N6	2,916.0	4,047.0	Đất ở liền kề
7	N7	544.5	544.5	Đất ở liền kề
8	N8	1,599.0	5,068.0	Đất ở liền kề
9	N9	2,074.5	3,179.5	Đất ở liền kề
11	N11	2,105.6	2,105.6	Đất ở liền kề
21	LK3	4,522.0	4,522.0	Đất ở liền kề
22	LK4	4,552.4	5,435.0	Đất ở liền kề
23	LK5	2,688.7	5,377.0	Đất ở liền kề
24	LK6	2,683.4	2,943.0	Đất ở liền kề
25	LK7	1,683.5	1,939.0	Đất ở liền kề
26	LK8	2,963.0	2,963.0	Đất ở liền kề
27	LK9	2,006.2	2,006.2	Đất ở liền kề
29	LK11	2,401.4	3,320.0	Đất ở liền kề
B.	Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật	445,565.1	541,858.0	
I.	Đất ở	83,231.8	121,372.1	
1	N1	3,924.2	5,468.8	Đất ở liền kề
2	N2	869.6	3,374.0	Đất ở liền kề
3	N3	1,851.1	2,640.0	Đất ở liền kề
4	N6	394.0	4,047.0	Đất ở liền kề
5	N8	3,032.8	5,068.0	Đất ở liền kề
6	N9	270.6	3,179.5	Đất ở liền kề
7	N10	4,022.7	4,218.0	Đất ở liền kề
8	N12	7,409.7	8,102.5	Đất ở liền kề
9	N13	4,057.2	4,057.0	Đất ở liền kề
10	N14	1,650.0	1,650.0	Đất ở liền kề
11	N15	3,096.0	3,096.0	Đất ở liền kề
12	N16	2,190.3	2,610.5	Đất ở liền kề
13	N17	2,100.5	2,100.5	Đất ở liền kề

14	N18	4,309.7	4,641.6	Đất ở liền kề (dự kiến để bố trí tái định cư 11 lô: từ lô số 17 đến lô số 27)
15	LK1	1,764.3	2,308.0	Đất ở liền kề
16	LK2	2,000.7	3,068.0	Đất ở liền kề
17	LK4	410.8	5,435.0	Đất ở liền kề
18	LK5	2,417.6	5,377.0	Đất ở liền kề
19	LK6	257.6	2,943.0	Đất ở liền kề
20	LK7	230.4	1,939.0	Đất ở liền kề
21	LK10	1,551.9	2,159.0	Đất ở liền kề
22	LK11	816.3	3,320.0	Đất ở liền kề
23	LK12	1,230.1	1,454.7	Đất ở liền kề
24	LK13	1,741.0	1,740.9	Đất ở liền kề
25	LK14	3,399.1	4,041.0	Đất ở liền kề
26	LK15	1,658.6	1,658.5	Đất ở liền kề
27	BT1	2,052.3	2,751.0	Đất ở Biệt thự
28	BT2	1,287.1	2,030.0	Đất ở Biệt thự
29	BT3	5,852.2	7,865.0	Đất ở Biệt thự
30	BT4	2,113.8	3,088.6	Đất ở Biệt thự
31	BT5	7,163.7	7,397.0	Đất ở Biệt thự
32	BT6	2,035.4	2,164.0	Đất ở Biệt thự
33	BT7	2,185.4	2,185.0	Đất ở Biệt thự
34	BT8	3,885.1	4,194.0	Đất ở Biệt thự
II.	Đất giáo dục	6,549.1	6,759.0	Gồm: NT1, NT2
1	NT1:	4,536.1	4,746.0	
2	NT2:	2,013.0	2,013.0	
III.	Đất dịch vụ thương mại	5,530.0	5,530.0	
IV.	Đất công trình hỗn hợp cao tầng	20,074.6	25,089.7	Gồm: CT1, CT2
1	CT1:	8,503.2	12,625.0	
2	CT2:	11,571.4	12,464.7	
V.	Đất công trình công cộng	29,212.0	30,352.0	Gồm: VH1, VH2, VH3, VH4, TTVH, TDTT
1	VH1:	500.0	500.0	VH1
2	VH2:	500.0	500.0	VH2
3	VH3:	920.0	920.0	VH3
4	VH4:	489.1	606.0	VH4
5	TTVH:	23,502.9	24,526.0	TTVH
6	TDTT:	3,300.0	3,300.0	TDTT

VI.	Đất cây xanh	47,449.6	57,807.9	Gồm: CX1, CX2, CX3, CX4, CX5, CX6, CX7, CX8
1	<i>CX1:</i>	26,372.0	28,570.8	CX1
2	<i>CX2:</i>	4,633.6	4,701.0	CX2
3	<i>CX3:</i>	633.8	633.8	CX3
4	<i>CX4:</i>	2,603.8	3,376.0	CX4
5	<i>CX5:</i>	4,945.9	5,985.6	CX5
6	<i>CX6:</i>	2,201.4	5,395.7	CX6
7	<i>CX7:</i>	4,710.6	6,374.0	CX7
8	<i>CX8:</i>	1,348.5	2,771.0	CX8
VII.	Đất mặt nước	47,193.7	62,486.2	Gồm: MN 01, MN 02, MN 03, MN 04, MN 05
1	<i>MN1</i>	33,578.6	37,065.8	MN 01
2	<i>MN2</i>	6,169.6	8,749.5	MN 02
3	<i>MN3</i>	6,076.4	12,951.0	MN 03
4	<i>MN4</i>	1,092.0	3,300.9	MN 04
5	<i>MN5</i>	277.1	419.0	MN 05
VIII.	Đất giao thông	195,395.8	220,468.1	
IX.	Đất trạm xử lý nước thải	1,343.7	1,567.0	
X.	Đất bãi đỗ xe	9,340.7	10,126.0	Gồm: P1, P2, P3, P4, P5
1	<i>P1</i>	1,369.0	1,369.0	P1
2	<i>P2</i>	851.0	851.0	P2
3	<i>P3</i>	3,381.0	3,381.0	P3
4	<i>P4</i>	2,661.3	3,123.0	P4
5	<i>P5</i>	1,078.4	1,402.0	P5
XI.	Đất điểm thu gom rác	244.1	300.0	

Số: 883 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất (đợt 2)
cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang để thực hiện dự án
Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 1143/TTg-NN ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 292/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2030 huyện Lạng Giang và số 383/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lạng Giang;

Theo đề nghị của: Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang tại Đơn xin giao đất ngày 06/6/2023; UBND huyện Lạng Tờ trình số 117/TTr-TNMT ngày 13/6/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 471/TTr-TNMT ngày 01/8/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng diện tích: 58.681,3 m² (Năm mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi một phẩy ba mét vuông) đất đã được UBND huyện Lạng Giang thu hồi đất và thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (Chi tiết các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 13/6/2023 của UBND huyện Lạng Giang).

2. Giao đất để sử dụng vào mục đích như sau: Giao toàn bộ diện tích 58.681,3m² (Năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi một phẩy ba mét vuông) đất đã chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 2) tại mục 1 nêu trên cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang. Cụ thể như sau:

2.1. Diện tích đất ở để xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, tương đương theo quy định pháp luật): 15.821,8m².

2.2. Diện tích giao đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết khu đô thị, sau khi hoàn thành bàn giao lại cho Nhà nước để quản lý: 42.859,5m².

2.3. Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

(Có bảng tổng hợp diện tích, cơ cấu các loại đất sau khi chuyển mục đích kèm theo).

3. Giao UBND thị trấn Vôi diện tích 331,4m² đất, UBND xã Xương Lâm 33,5m² đất UBND huyện Lạng Giang đã thu hồi, bồi thường nhưng nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án (không chuyển mục đích sử dụng đất) để quản lý theo quy hoạch và pháp luật đất đai.

4. Địa điểm: xã Xương Lâm, xã Yên Mỹ, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên các tờ trích lục bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1.000 kèm theo được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thẩm định, trình UBND tỉnh nêu trên; thu phí, lệ phí; chủ trì xác định giá đất cụ thể; chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính, xử lý

các giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã thu hồi; chỉ xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất sau khi xác định đã đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật (bao gồm cả nguyên tắc thanh toán ngang giá, tương đương hợp đồng BT).

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung liên quan đến việc thẩm định sự phù hợp của Dự án với Kế hoạch phát triển nhà ở và các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng và đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành dự án, đưa vào khai thác, vận hành theo đúng tiến độ giao và quy định pháp luật; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm có liên quan đến hoạt động xây dựng và vận hành dự án (nếu có) theo pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan đến việc tổ chức đấu thầu, chấp thuận đầu tư dự án thực hiện dự án và các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực đầu tư, thực hiện dự án BT theo pháp luật; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được chấp thuận.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kiểm tra, giám sát, đôn đốc UBND thành phố Bắc Giang thực hiện việc thực hiện phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

6. Cục Thuế tỉnh: Đôn đốc Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang nộp đầy đủ khoản tiền M3 được xác định theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ tài chính khác mà công ty phải thực hiện đối với toàn bộ diện tích đất đã giao theo các đợt.

7. UBND huyện Lạng Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Xương Lâm, UBND thị trấn Vôi chính lý hồ sơ địa chính, thiết lập hồ sơ quản lý chặt chẽ diện tích đất giao quản lý tại Điều 1, không để xảy ra lấn chiếm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

8. Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang:

8.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

8.2. Phối hợp với UBND huyện Lạng Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (bao gồm cả

việc nộp khoản tiền M3 theo quy định cho toàn bộ diện tích đất đã được giao theo các đợt); chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

8.3. Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại các Quyết định chấp thuận đầu tư, giao đất thực hiện dự án dự án và văn bản khác của cấp có thẩm quyền cho UBND huyện Lạng Giang quản lý.

8.4 7.3. Chỉ được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong phạm vi dự án sau khi đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định diện tích quỹ đất thanh toán hợp đồng BT và đáp ứng đầy đủ điều kiện khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang; Chủ tịch UBND xã Yên Mỹ; Chủ tịch UBND thị trấn Vôi; Chủ tịch UBND xã Xương Lâm, Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang (trả hs qua TTPVHCC);
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các CV liên quan;
- Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang
- Sở Tài nguyên và MT (lưu HS);
- Lưu: VT, TN_{SN}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ GIAO ĐẤT (ĐỢT 2)**

Dự án: Khu đô thị mới phía Đông, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang
(Kèm theo Quyết định số 883 /QĐ-UBND ngày 14/ 8 /2023 của UBND tỉnh)

STT	Phân lô theo QHCT	DT theo quy hoạch (m2)	DT giao đất (đợt 1)	DT giao đất (đợt 2)	DT còn lại (m2)	Ghi chú
	TỔNG	560.540,0	484.832,0	58.681,3	17.026,7	
I	Đất ở	140.045,1	122.498,7	15.821,8	1.724,6	
1	N1	5.468,8	3.924,2	1.544,6	0,0	
2	N2	3.374,0	869,6	2.504,4	0,0	
3	N3	2.640,0	1.851,1	788,9	0,0	
4	N4	2.472,9	2.472,9	0,0	0,0	
5	N5	4.053,8	4.053,8	0,0	0,0	
6	N6	4.047,1	3.310,0	737,1	0,0	
7	N7	544,5	544,5	0,0	0,0	
8	N8	5.068,0	4.631,8	436,2	0,0	
9	N9	3.179,5	2.345,1	834,4	0,0	
10	N10	4.218,0	4.022,7	195,3	0,0	
11	N11	2.105,6	2.105,6	0,0	0,0	
12	N12	8.102,5	7.409,7	692,8	0,0	
13	N13	4.057,2	4.057,2	0,0	0,0	
14	N14	1.650,0	1.650,0	0,0	0,0	
15	N15	3.096,0	3.096,0	0,0	0,0	
16	N16	2.610,5	2.190,3	420,2	0,0	
17	N17	2.100,5	2.100,5	0,0	0,0	
18	N18	4.641,6	4.309,7	331,9	0,0	
19	LK1	2.308,0	1.764,3	543,7	0,0	
20	LK2	3.068,2	2.000,7	701,7	365,8	
21	LK3	4.522,0	4.522,0	0,0	0,0	
22	LK4	5.435,2	4.963,2	472,0	0,0	
23	LK5	5.377,4	5.106,3	271,1	0,0	
24	LK6	2.943,2	2.941,0	2,2	0,0	
25	LK7	1.939,0	1.913,9	25,1	0,0	
26	LK8	2.963,0	2.963,0	0,0	0,0	
27	LK9	2.006,2	2.006,2	0,0	0,0	
28	LK10	2.159,0	1.551,9	223,1	384,0	
29	LK11	3.320,2	3.217,7	102,5	0,0	
30	LK12	1.454,5	1.230,1	224,4	0,0	
31	LK13	1.741,0	1.741,0	0,0	0,0	
32	LK14	4.041,3	3.399,1	642,2	0,0	
33	LK15	1.658,6	1.658,6	0,0	0,0	
34	BT1	2.751,4	2.052,3	699,1	0,0	

35	BT2	2.030,7	1.287,1	682,6	61,0	
36	BT3	7.865,9	5.852,2	2.013,7	0,0	
37	BT4	3.088,6	2.113,8	61,0	913,8	
38	BT5	7.397,1	7.163,7	233,4	0,0	
39	BT6	2.164,2	2.035,4	128,8	0,0	
40	BT7	2.185,4	2.185,4	0,0	0,0	
41	BT8	4.194,5	3.885,1	309,4	0,0	
II	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật	420.494,9	362.333,3	42.859,5	15.302,1	
1	Đất giáo dục	6.759,0	6.549,1	209,9	0,0	
	NT1	4.746,0	4.536,1	209,9	0,0	
	NT2	2.013,0	2.013,0	0,0	0,0	
2	Đất dịch vụ thương mại:	5.530,0	5.530,0	0,0	0,0	
3	Đất công trình hỗn hợp (ở, DV - TM, văn phòng, ...):	25.089,7	20.074,6	3.576,8	1.438,3	
	CT1	12.625,0	8.503,2	2.683,5	1.438,3	
	CT2	12.464,7	11.571,4	893,3	0,0	
4	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao	30.352,0	29.212,0	1.140,0	0,0	
	VH1	500,0	500,0	0,0	0,0	
	VH2	500,0	500,0	0,0	0,0	
	VH3	920,0	920,0	0,0	0,0	
	VH4	606,0	489,1	116,9	0,0	
	TTVH	24.526,0	23.502,9	1.023,1	0,0	
	TDTT	3.300,0	3.300,0	0,0	0,0	
5	Đất cây xanh	57.807,9	47.449,6	6.165,0	4.193,3	
	CX1	28.570,8	26.372,0	2.198,8	0,0	
	CX2	4.701,0	4.633,6	67,4	0,0	
	CX3	633,8	633,8	0,0	0,0	
	CX4	3.376,0	2.603,8	60,5	711,7	
	CX5	5.985,6	4.945,9	423,3	616,4	
	CX6	5.395,7	2.201,4	640,7	2.553,6	
	CX7	6.374,0	4.710,6	1.663,4	0,0	
	CX8	2.771,0	1.348,5	1.110,9	311,6	
6	Đất mặt nước	62.486,2	47.193,7	11.079,6	4.212,9	
	MN 01	37.065,8	33.578,6	3.487,2	0,0	
	MN 02	8.749,5	6.169,6	535,9	2.044,0	
	MN 03	12.951,0	6.076,4	4.937,3	1.937,3	
	MN 04	3.300,9	1.092,0	1.977,3	231,6	
	MN 05	419,0	277,1	141,9	0,0	
7	Đất giao thông	220.468,1	195.395,8	19.845,6	5.226,7	

8	<i>Đất trạm xử lý nước thải:</i>	<i>1.576,0</i>	<i>1.343,7</i>	<i>232,3</i>	<i>0,0</i>	
9	<i>Bãi đỗ xe</i>	<i>10.126,0</i>	<i>9.340,7</i>	<i>554,4</i>	<i>230,9</i>	
	P1	1.369,0	1.369,0	0,0	0,0	
	P2	851,0	851,0	0,0	0,0	
	P3	3.381,0	3.381,0	0,0	0,0	
	P4	3.123,0	2.661,3	461,7	0,0	
	P5	1.402,0	1.078,4	92,7	230,9	
10	<i>Đất điểm thu gom rác</i>	<i>300,0</i>	<i>244,1</i>	<i>55,9</i>	<i>0,0</i>	

Số: 207 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao đất cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang để thực hiện dự án
Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của: Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang tại Đơn xin chuyển, giao đất (đợt 3) ngày 28/10/2024, UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình số 388/TTr-UBND ngày 12/12/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 694/TTr-TNMT ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao toàn bộ diện tích 15.390,3m² (Mười lăm nghìn ba trăm chín mươi phẩy ba mét vuông) đất cho Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang để thực hiện dự án Khu đô thị mới phía Đông, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, cụ thể:

1.1. Mục đích sử dụng: Thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang (loại đất theo Bảng thống kê diện tích giao đất (đợt 3) theo bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng)

1.2. Thời hạn giao đất: theo thời gian hoạt động của dự án đầu tư đã được chấp thuận.

1.3. Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 do chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lạng Giang ký duyệt ngày 20/8/2020;

1.4. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang theo quy hoạch và dự án đã được duyệt với diện tích là 15.390,3m² (*trong đó: 1.724,6m² đất ở để tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền và chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo quy định pháp luật*).

1.5. Nhà đầu tư phải chịu các hạn chế về quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Giao UBND xã Xương Lâm quản lý, lập hồ sơ địa chính đối với diện tích 48,0 m² đất UBND huyện Lạng Giang đã thu hồi nhưng nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án (không chuyển mục đích sử dụng đất) để quản lý theo quy hoạch và pháp luật đất đai.

3. Địa điểm: Tại thị trấn Vôi, xã Xương Lâm và xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thẩm định, trình UBND tỉnh nêu trên; thu phí, lệ phí; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng đất của dự án, xử lý kịp thời các vi phạm về đất đai, môi trường có liên quan của chủ đầu tư (nếu có); tổ chức xác định giá đất cụ thể đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định pháp luật; chuyển thông tin địa chính để tính tiền sử dụng đất theo quy định.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai: Chinh lý, cập nhật biên động đất đai, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và quản lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực đầu tư làm cơ sở để chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện dự án theo quy định tại Điều 224 Luật Đất đai; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đã được chấp thuận

4. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung liên quan đến việc đảm bảo dự án phù hợp với quy hoạch về xây dựng, việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở dự án và các nội dung khác có liên quan làm cơ sở chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định tại Điều 224 Luật Đất đai; đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành dự án, đưa vào khai thác, vận hành theo đúng dự án đầu tư đã được chấp thuận; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm có liên quan đến hoạt động xây dựng và vận hành dự án (nếu có).

5. Chi cục Thuế khu vực VI: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang phải thực hiện đối với phần diện tích được chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và hướng dẫn, đôn đốc Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. UBND huyện Lạng Giang: Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung: việc đảm bảo dự án phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan của địa phương; việc xác định nguồn gốc, loại đất và việc thu hồi đất, thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án; việc ký kết hợp đồng BT làm cơ sở chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định tại Điều 224 Luật Đất đai. Tổ chức giao đất thực địa cho chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng đất, thực hiện dự án và kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án sử dụng tầng đất mặt của chủ đầu tư, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về trồng trọt; kịp thời xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định (nếu có); thực hiện rà soát và xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất gửi cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất theo quy định; đôn đốc việc thu nộp khoản tiền M3 theo quy định; chỉ đạo UBND thị trấn Vôi, UBND xã Xương Lâm và UBND xã Yên Mỹ cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo pháp luật.

7. UBND xã Xương Lâm có trách nhiệm: thiết lập hồ sơ, quản lý chặt chẽ diện tích được giao đất tại Điều 1, không để xảy ra lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất.

8. Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang:

- Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết và quy định pháp luật.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích được chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với UBND huyện Lạng Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa và khăn trương đưa đất vào sử dụng theo pháp luật.

- Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại các Quyết định chấp thuận đầu tư, giao đất thực hiện dự án dự án và văn bản khác của cấp có thẩm quyền cho UBND huyện Lạng Giang quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Chi cục Thuế Khu vực VI; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Yên Mỹ, UBND xã Xương Lâm, UBND thị trấn Vôi và Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh ;
- Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang (Trả HS qua TTPV HCC);
- Phòng QLĐĐ - Sở TNMT (lưu HS).
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, KTN, KTTH, Trung tâm thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TN_{SN}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thịnh

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT (ĐỢT 3)
Dự án: Khu dân cư mới phía Đông, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày/3/2025 của UBND tỉnh)

STT	Phân lô theo QHCT	DT theo quy hoạch (m ²)	DT giao đất (đợt 1)	DT giao đất (đợt 2)	DT giao đất (đợt 3)	DT còn lại (m ²)	Ghi chú
I	Đất ở	140.045,1	122.498,7	15.821,8	1.724,6	0,0	
1	N1	5.468,8	3.924,2	1.544,6		0,0	
2	N2	3.374,0	869,6	2.504,4		-	
3	N3	2.640,0	1.851,1	788,9		0,0	
4	N4	2.472,9	2.472,9	-		-	
5	N5	4.053,8	4.053,8	-		-	
6	N6	4.047,1	3.310,0	737,1		(0,0)	
7	N7	544,5	544,5	-		-	
8	N8	5.068,0	4.631,8	436,2		(0,0)	
9	N9	3.179,5	2.345,1	834,4		0,0	
10	N10	4.218,0	4.022,7	195,3		0,0	
11	N11	2.105,6	2.105,6	-		-	
12	N12	8.102,5	7.409,7	692,8		0,0	
13	N13	4.057,2	4.057,2	-		-	
14	N14						

		1.650,0	1.650,0	-		-	
15	N15	3.096,0	3.096,0	-		-	
16	N16	2.610,5	2.190,3	420,2		(0,0)	
17	N17	2.100,5	2.100,5	-		-	
18	N18	4.641,6	4.309,7	331,9		0,0	
19	LK1	2.308,0	1.764,3	543,7		-	
20	LK2	3.068,2	2.000,7	701,7	365,8	-	
21	LK3	4.522,0	4.522,0	-		-	
22	LK4	5.435,2	4.963,2	472,0		-	
23	LK5	5.377,4	5.106,3	271,1		(0,0)	
24	LK6	2.943,2	2.941,0	2,2		(0,0)	
25	LK7	1.939,0	1.913,9	25,1		(0,0)	
26	LK8	2.963,0	2.963,0	-		-	
27	LK9	2.006,2	2.006,2	-		-	
28	LK10	2.159,0	1.551,9	223,1	384,0	-	
29	LK11	3.320,2	3.217,7	102,5		-	
30	LK12	1.454,5	1.230,1	224,4		0,0	
31	LK13	1.741,0	1.741,0	-	-	-	
32	LK14	4.041,3	3.399,1	642,2		0,0	
33	LK15	1.658,6	1.658,6	-		-	
34	BT1	2.751,4	2.052,3	699,1		(0,0)	
35	BT2						

		2.030,7	1.287,1	682,6	61,0	0,0	
36	BT3	7.865,9	5.852,2	2.013,7		(0,0)	
37	BT4	3.088,6	2.113,8	61,0	913,8	-	
38	BT5	7.397,1	7.163,7	233,4		0,0	
39	BT6	2.164,2	2.035,4	128,8		(0,0)	
40	BT7	2.185,4	2.185,4	-		-	
41	BT8	4.194,5	3.885,1	309,4		0,0	
II	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật	420.494,9	362.333,3	42.859,5	13.665,7	1.636,4	
1	Đất giáo dục	6.759,0	6.549,1	209,9		(0,0)	
	NT1	4.746,0	4.536,1	209,9		(0,0)	
	NT2	2.013,0	2.013,0	-		-	
2	Đất dịch vụ thương mại:	5.530,0	5.530,0	-		-	
3	Đất công trình hỗn hợp (ở, DV - TM, văn phòng, ...):	25.089,7	20.074,6	3.378,7		1.636,4	
	CT1	12.625,0	8.503,2	2.485,4		1.636,4	
	CT2	12.464,7	11.571,4	893,3		0,0	
4	Đất công trình công cộng	30.352,0	29.212,0	1.140,0		-	
	VH1	500,0	500,0	-		-	
	VH2	500,0	500,0	-		-	
	VH3	920,0	920,0	-		-	

	VH4	606,0	489,1	116,9		(0,0)	
	TTVH	24.526,0	23.502,9	1.023,1		(0,0)	
	TDTT	3.300,0	3.300,0	-		-	
5	Đất cây xanh	57.807,9	47.449,6	6.165,0	4.193,3	-	
	CX1	28.570,8	26.372,0	2.198,8		(0,0)	
	CX2	4.701,0	4.633,6	67,4		(0,0)	
	CX3	633,8	633,8	-		-	
	CX4	3.376,0	2.603,8	60,5	711,7	-	
	CX5	5.985,6	4.945,9	423,3	616,4	-	
	CX6	5.395,7	2.201,4	640,7	2.553,6	-	
	CX7	6.374,0	4.710,6	1.663,4		(0,0)	
	CX8	2.771,0	1.348,5	1.110,9	311,6	-	
6	Đất mặt nước	62.486,2	47.193,7	11.079,6	4.212,9	-	
	MN 01	37.065,8	33.578,6	3.487,2		0,0	
	MN 02	8.749,5	6.169,6	535,9	2.044,0	-	
	MN 03	12.951,0	6.076,4	4.937,3	1.937,3	-	
	MN 04	3.300,9	1.092,0	1.977,3	231,6	-	
	MN 05	419,0	277,1	141,9		(0,0)	
7	Đất giao thông	220.468,1	195.395,8	20.043,7	5.028,6	0,0	
8	Đất trạm xử lý nước thải:	1.576,0	1.343,7	232,3	-	(0,0)	
9	Bãi đỗ xe	10.126,0	9.340,7	554,4	230,9	(0,0)	

	P1	1.369,0	1.369,0	-		-	
	P2	851,0	851,0	-		-	
	P3	3.381,0	3.381,0	-		-	
	P4	3.123,0	2.661,3	461,7		(0,0)	
	P5	1.402,0	1.078,4	92,7	230,9	-	
10	<i>Đất điểm thu gom rác</i>	300,0	244,1	55,9	-	0,0	
	TỔNG	560.540,0	484.832,0	58.681,3	15.390,3	1.636,4	

